

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGÔ QUYỀN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 17-6-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Hảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Đức Dũng

Bà Phạm Thị Bẩm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Anh T; nơi ĐKKHKT: Đường V, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Đường H1, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Trung T1; nơi cư trú: Đường N, phường M, quận N1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07 tháng 02 năm 2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Anh T và anh Đặng Trung T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp, không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn càng tăng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về việc nuôi con: Chị Đào Anh T và anh Đặng Trung T1 có một con chung là Đặng Quỳnh Anh, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2011. Hiện cháu Đặng Quỳnh Anh đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh T1 tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Đào Anh T và anh Đặng Trung T1 không có tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đặng Trung T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Đặng Trung T1 đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi được lời khai của anh T1 và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, anh Đặng Trung T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đào Anh T được ly hôn anh Đặng Trung T1. Giao con Đặng Quỳnh Anh, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2011 cho chị Đào Anh T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về việc chia tài sản, chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Chị Đào Anh T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đặng Trung T1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh Đặng Trung T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Đặng Trung T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Đào Anh T và anh Đặng Trung T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của chị T và anh T1 qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập là đúng với thực tế, cả hai đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng và triệu tập tới Tòa án nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh T1 không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của chị T, không thực sự mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống. Như vậy trên thực tế, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đào Anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[4] Chị Đào Anh T và anh Đặng Trung T1 có một con chung là Đặng Quỳnh Anh, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2011. Xét thực tế, cháu Đặng Quỳnh Anh vẫn sống cùng với chị T và được chị T chăm sóc từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Cháu Quỳnh Anh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, chị T đề nghị Tòa án

giao con cho chị T trực tiếp nuôi là có căn cứ nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T đề nghị được tự thỏa thuận với anh T1, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Chị Đào Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí:

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Anh T được ly hôn anh Đặng Trung T1.

2. Về việc nuôi con: Giao con Đặng Quỳnh Anh, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2011 cho chị Đào Anh T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị Đào Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Đào Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đào Anh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006273 ngày 20 tháng 02 năm

2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Đào Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Quyền kháng cáo đối với bản án:**

Nguyên đơn chị Đào Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Đặng Trung T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 06/12/2010);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Hảo**